

SỐ: 03/QĐ-THPTCNH

Nghĩa Hưng, ngày 10 tháng 1 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách giáo dục đối với người khuyết tật học kỳ II năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPTC NGHĨA HƯNG

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do tỉnh Nam Định quản lý từ năm học 2018-2019 đến năm học 2021-2022

Theo đề nghị của bộ phận tài vụ nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách giáo dục đối với người khuyết tật Học kỳ II năm học 2021 – 2022 của Trường THPTC Nghĩa Hưng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Điều 3. Phòng Tài vụ nhà trường chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Nam Định;
- Lưu: VT,KT



HIỆU TRƯỞNG

Trần Mạnh Hùng



**TỔNG HỢP DANH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022****A. Đối tượng được miễn học phí:**

Tổng số học sinh được miễn: 15 học sinh

Lớp 10: 06 học sinh

Lớp 11: 03 học sinh

Lớp 12: 06 học sinh

ST T	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Đình Ngọc Hiền	10A1	90.000	5	450.000	
2	Nguyễn Hoàng Ngân	10A6	90.000	5	450.000	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	10A7	90.000	5	450.000	
4	Trần Văn Dương	10A8	90.000	5	450.000	
5	Trần Tuấn Anh	10A10	90.000	5	450.000	
6	Nguyễn Anh Đức	10A10	90.000	5	450.000	
7	Nguyễn Đăng Cừ	11A3	90.000	5	450.000	
8	Bùi Thị Hồng Nhung	11A4	90.000	5	450.000	
9	Nguyễn Ánh Tuyết	11A9	90.000	5	450.000	
10	Trần Văn Dy	12A1	90.000	5	450.000	
11	Trần Thị Hoài	12A3	90.000	5	450.000	
12	Ngô Thị Thu Hiền	12A6	90.000	5	450.000	
13	Nguyễn Thị Thanh Loan	12A6	90.000	5	450.000	
14	Bùi Công Dưỡng	12A7	90.000	5	450.000	
15	Trần Văn Hoàng	12A8	90.000	5	450.000	
	Cộng				6.750.000	

B. Đối tượng giảm 70% học phí:Tổng số học sinh được giảm: 0 học sinh

Lớp 10: học sinh

Lớp 11: học sinh

Lớp 12: học sinh

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được giảm	Số tháng được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú

	Cộng					
--	-------------	--	--	--	--	--

C. Đối tượng giảm 50% học phí:

Tổng số học sinh được giảm: 63 học sinh

Lớp 10: 22 học sinh

Lớp 11: 18 học sinh

Lớp 12: 23 học sinh

ST T	Họ và tên	Lớp	Mức được giảm	Số tháng được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	Tô Chí Hào	10A4	45.000	5	225.000	
2	Đoàn Huy Hoàng	10A4	45.000	5	225.000	
3	Ngô An Huy	10A4	45.000	5	225.000	
4	Phạm Thị Thanh Nhân	10A4	45.000	5	225.000	
5	Trần Hồng Nhung	10A4	45.000	5	225.000	
6	Trần Minh Quang	10A4	45.000	5	225.000	
7	Thắm Quang Bình	10A5	45.000	5	225.000	
8	Vũ Phi Hùng	10A5	45.000	5	225.000	
9	Trương Văn Minh	10A5	45.000	5	225.000	
10	Ngô Trung Nguyên	10A5	45.000	5	225.000	
11	Lê Thị Mai Anh	10A6	45.000	5	225.000	
12	Kiều Thị Thủy	10A6	45.000	5	225.000	
13	Trần Ngọc Ánh	10A7	45.000	5	225.000	
14	Nguyễn Thị Thu Phương	10A7	45.000	5	225.000	
15	Đinh Thị Khánh Huyền	10A8	45.000	5	225.000	
16	Lã Ngọc Khoa	10A8	45.000	5	225.000	
17	Vương Thị Lan	10A8	45.000	5	225.000	
18	Phạm Khuông Trung Ngh	10A8	45.000	5	225.000	
19	Nguyễn Văn Đạt	10A9	45.000	5	225.000	
20	Phạm Thị Cẩm Ly	10A10	45.000	5	225.000	
21	Nguyễn Thị Nhung	10A10	45.000	5	225.000	
22	Nguyễn Hồng Phong	10A10	45.000	5	225.000	
23	Phạm Thị Mai Phương	11A3	45.000	5	225.000	
24	Nguyễn Thị Kim Chi	11A4	45.000	5	225.000	
25	Phạm Thị Ngọc Dịu	11A4	45.000	5	225.000	
26	Nguyễn Thị Thu Hoài	11A4	45.000	5	225.000	
27	Đào Việt Hùng	11A4	45.000	5	225.000	
28	Trần Thị Yến Nhi	11A4	45.000	5	225.000	
29	Phạm Thị Hiền	11A5	45.000	5	225.000	
30	Trần Thị Diệu Linh	11A5	45.000	5	225.000	
31	Nguyễn Hồng Nhung	11A6	45.000	5	225.000	
32	Vũ Thị Thảo	11A6	45.000	5	225.000	
33	Vũ Thị Hoài Thu	11A6	45.000	5	225.000	



34	Phạm Thị Yên Nhi	11A7	45.000	5	225.000	
35	Nguyễn Ngọc Ánh	11A8	45.000	5	225.000	
36	Trần Thị Thu Thủy	11A9	45.000	5	225.000	
37	Hoàng Thảo Vân	11A9	45.000	5	225.000	
38	Vũ Hải Dương	11A10	45.000	5	225.000	
39	Nguyễn Văn Quyết	11A10	45.000	5	225.000	
40	Nguyễn Thị Trâm	11A10	45.000	5	225.000	
41	Vũ Khánh Du	12A1	45.000	5	225.000	
42	Bùi Văn Chính	12A2	45.000	5	225.000	
43	Nguyễn Hồng Quân	12A2	45.000	5	225.000	
44	Lê Thị Huế	12A3	45.000	5	225.000	
45	Đinh Trần Tiến Phát	12A3	45.000	5	225.000	
46	Đào Tuấn Anh	12A4	45.000	5	225.000	
47	Nguyễn Thị Hoài	12A4	45.000	5	225.000	
48	Nguyễn Thị Thuý Lành	12A4	45.000	5	225.000	
49	Đoàn Khánh Linh	12A4	45.000	5	225.000	
50	Đinh Thị Hạnh	12A6	45.000	5	225.000	
51	Vũ Thị Như Bình	12A7	45.000	5	225.000	
52	Đỗ Hữu Mỹ	12A7	45.000	5	225.000	
53	Nguyễn Mạnh Chức	12A8	45.000	5	225.000	
54	Trần Văn Mạnh	12A8	45.000	5	225.000	
55	Mai Phương Nam	12A8	45.000	5	225.000	
56	Vũ Thị Thu Trang	12A8	45.000	5	225.000	
57	Cao Tiến Đạt	12A9	45.000	5	225.000	
58	Vũ Văn Điện	12A9	45.000	5	225.000	
59	Lê Quỳnh Anh	12A10	45.000	5	225.000	
60	Trần Văn Đức	12A10	45.000	5	225.000	
61	Lê Thị Tuyết Mai	12A10	45.000	5	225.000	
62	Vũ Thị Ngọc	12A10	45.000	5	225.000	
63	Nguyễn Thị Vui	12A10	45.000	5	225.000	
	Cộng				14.175.000	

Người lập biểu

Thúy

Nguyễn Thị Thúy

Nghĩa Hưng, ngày 10 tháng 1 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Mạnh Hùng
Trần Mạnh Hùng



**TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

Tổng số học sinh được hỗ trợ CPHT: 13 học sinh

Lớp 10: 04 học sinh

Lớp 11: 03 học sinh

Lớp 12: 06 học sinh

STT	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ CPHT	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	10A7	150.000	5	750.000	
2	Trần Văn Dương	10A8	150.000	5	750.000	
3	Trần Tuấn Anh	10A10	150.000	5	750.000	
4	Nguyễn Anh Đức	10A10	150.000	5	750.000	
5	Nguyễn Đăng Cừ	11A3	150.000	5	750.000	
6	Bùi Thị Hồng Nhung	11A4	150.000	5	750.000	
7	Nguyễn Ánh Tuyết	11A9	150.000	5	750.000	
8	Trần Thị Hoài	12A3	150.000	5	750.000	
9	Ngô Thị Thu Hiền	12A6	150.000	5	750.000	
10	Nguyễn Thị Thanh Loan	12A6	150.000	5	750.000	
11	Trần Thị Trang	12A6	150.000	5	750.000	
12	Bùi Công Dưỡng	12A7	150.000	5	750.000	
13	Trần Văn Hoàng	12A8	150.000	5	750.000	
	Cộng				9.750.000	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy

Nghĩa Hưng, ngày 10 tháng 1 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Mạnh Hùng